

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN Q

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 01/2019/ HNGĐ - ST

Ngày: 22/01/2019

V/v chị N xin ly hôn anh C.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Bùi Thị Hồng Hiệu;**

Ông **Nguyễn Văn Viên.**

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội;

- *Đại diện Viện KSND huyện Q, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà **Bùi Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2019/TLST – HNGĐ ngày 7 tháng 01 năm 2019 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX – HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị N**, sinh năm 1975.

Bị đơn: Anh **Đỗ Hữu C**, sinh năm 1965.

Đều ĐKNKTT: thôn N, xã M, huyện Q, thành phố Hà Nội, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2018, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:*

Chị Đỗ Thị N và anh Đỗ Hữu C kết hôn ngày 28/6/1993 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu khoảng 2, 3 tháng và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M,

huyện Q, thành phố Hà Nội. Khi cưới cả hai đều làm ruộng tại quê. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn và thực sự thương yêu nhau. Khi về gia đình chồng chung sống, vợ chồng ở chung với mẹ chồng tại thôn N, xã M, huyện Q, thành phố Hà Nội. Đến năm 2000 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường xuyên nát rượu, khi uống rượu say về L đánh chửi tôi dẫn đến vợ chồng ít khi nói chuyện với nhau. Tôi và gia đình chồng đã khuyên răn anh C nhiều lần nhưng anh C không chịu sửa chữa vẫn nát rượu. Đến năm 2003 một phần do kinh tế vợ chồng khó khăn, một phần do mâu thuẫn với chồng nên tôi xin đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan để cải thiện kinh tế gia đình. Đến tháng 04/2018, sau 14 năm đi lao động xuất khẩu thì tôi mới về nước. Trong quá trình tôi đi lao động xuất khẩu tôi gửi tiền về cho anh C nuôi con và mua đất ở, đất ruộng hết hơn 2 tỷ. Còn về tình cảm giữa tôi với anh C thì không hề được cải thiện. Anh C không có lần nào gọi điện hỏi thăm tôi về công việc làm ăn. Khi về nước, tôi mong muốn tình cảm vợ chồng được cải thiện đã khuyên anh C bỏ rượu nhưng anh C vẫn tiếp tục nát rượu và thường xuyên đánh chửi tôi. Đến ngày 20/09/2018, anh C đi uống rượu đắm đuối về tôi có khuyên can anh lần sau uống ít rượu thì anh C đánh tôi rất tàn nhẫn, sưng tím mắt phải đi bệnh viện Q điều trị. Tôi đã cung cấp cho tòa một số bản ảnh bị đánh và giấy ra viện, vào viện. Sau khi bị đánh tôi đã lên Ban công an xã M báo cáo và công an xã đã xác nhận tôi bị chồng đánh là đúng. Từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Tôi đề nghị Tòa giải quyết vợ chồng ly hôn để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Tôi và anh C có 2 con chung:

- Cháu Đỗ Thị M, sinh ngày 1/7/1994.
- Cháu Đỗ Hữu T, sinh ngày 24/4/1996. Cháu T hiện nay đang du học Đài Loan, tiền đi du học do tôi đóng cho cháu.

Các cháu đều đã trưởng thành. Nếu ly hôn cháu muốn ở với ai thì tùy cháu.

Về tài sản chung: vợ chồng có một nhà mái bằng khoảng 100 m² 2 tầng và đồ đạc trong nhà như bàn, ghế, giường, tủ; mua 01 mảnh đất ở; 02 mảnh đất ruộng nguồn gốc từ tiền xuất khẩu lao động tôi gửi về cho anh C mua. Nếu ly hôn chúng

tôi tự giải quyết về tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai.

Bị đơn: Anh Đỗ Hữu C trình bày:

Về thời gian kết hôn như chị N trình bày là đúng. Thời gian vợ chồng tôi tìm hiểu không phải là 2,3 tháng mà tìm hiểu khoảng 1 năm mới cưới. Đến ngày 20/9/2018, vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi đi uống rượu đám cưới về cô N cần nhàn và nói tôi là thằng nát rượu. Tôi bực mình tát cô N mấy cái rồi đi làm luôn. Trước đó vợ chồng không hề có mâu thuẫn gì. Hiện nay, vợ chồng vẫn sống chung trong một nhà nhưng không quan hệ, nói chuyện gì với nhau nữa. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn tôi đề nghị Tòa bác đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ và con cái có bố, có mẹ.

Về con chung: Tôi và chị N có 2 con chung:

- Cháu Đỗ Thị M, sinh ngày 1/7/1994.
- Cháu Đỗ Hữu T, sinh ngày 24/4/1996. Cháu T hiện nay đang du học Đài Loan.

Các cháu đều đã trưởng thành. Nếu ly hôn cháu muốn ở với ai thì tùy cháu.

Về tài sản: vợ chồng có một nhà mái bằng khoảng 100 m² 2 tầng và đồ đạc trong nhà như bàn, ghế, giường, tủ. Nếu ly hôn chúng tôi tự giải quyết về tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không nợ ai.

Tại phiên tòa hôm nay chị N cho rằng chị không còn tình cảm với anh C nữa. Anh C không tâm lý với vợ không cần biết vợ có thích hay không vẫn vào với chị khiến chị cảm thấy như bị cưỡng bức; Anh C đề nghị Tòa giải quyết bác đơn chị N để vợ chồng đoàn tụ.

Nhân chứng: bà Nguyễn Thị L, Chi Hội trưởng chi Hội Nông dân thôn N trình bày:

Tôi là người ở liên kề với nhà anh C, chị N. Anh C là người chịu khó làm ăn.

Khi họ hàng có công việc anh C thỉnh thoảng uống rượu say nhưng chỉ nói lè nhè với con gái. Từ khi chị N về đến nay vợ chồng ít khi ăn cơm chung với nhau. Ngày 20/9/2018 anh C đi uống rượu đám cưới về chị N có nói anh C việc uống rượu say thì anh C đã đánh chị N phải đi bệnh viện Q cứu chữa.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị Đỗ Thị N và anh Đỗ Hữu C kết hôn trên tinh thần tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 28/06/1993 tại UBND xã M là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã có 02 con chung. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh C rượu chè bê tha, đánh đập chị. Đặc biệt, ngày 20/9/2018, anh C đã đánh chị N thâm tím mặt phải đi bệnh viện Q cứu chữa. Từ đó đến nay, vợ chồng không có quan hệ gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của chị N xin ly hôn anh C để giải phóng cho cả hai người.

+ Về con chung: chị N và anh C có 02 con chung. Các cháu đều đã trưởng thành nên không xét.

+Về tài sản chung, công sức: Vợ chồng làm 01 nhà mái bằng 100m² 2 tầng và đồ đạc trong nhà như: bàn, ghế, giường tủ; 01 mảnh đất ở; 02 mảnh đất ruộng tiền gốc từ xuất khẩu lao động chị N gửi về cho anh C. Nay cả hai bên đều xác định vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu tòa giải quyết nên không xét.

+Về án phí: chị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. .

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]Về tố tụng: anh Đỗ Hữu C có HKTT và trú tại Thôn N, xã M, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 thì thẩm quyền giải quyết thuộc Toà án nhân dân huyện Q.

[2]Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị N trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, anh C thường xuyên uống rượu say, đánh chị N dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Tại phiên toà hôm nay, chị N kiên quyết xin ly hôn do vợ chồng không còn tình cảm; anh C có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm nên HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị N làm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử bà chị Đỗ Thị N ly hôn anh Đỗ Hữu C.

Về con chung: chị N, anh C có 02 con chung là Đỗ Thị M sinh năm 1994 và Đỗ Hữu T sinh năm 1996 đều đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không.

Về án phí : Chị Đỗ Thị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử : Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị Đỗ Thị N đối với anh Đỗ Hữu C.

1. Về hôn nhân: chị **Đỗ Thị N** ly hôn anh **Đỗ Hữu C**.

2. Về con chung: Cháu Đỗ Thị M và Đỗ Hữu T đã trưởng thành nên Tòa không xét.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí : Chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010564 ngày 28/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện Q;
- THA DS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS.
-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh